TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tường- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A

Nơi ĐKHKTT: Tổ 7, phường Đằng H, quận Hải A, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở: Số 84 Nam H1, xã An H2, huyện An D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Hữu T

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Tổ 7, phường Đằng H, quận Hải A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 8 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Lê Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đằng H, quận Hải A, Hải Phòng vào ngày 30/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với gia đình anh T tại tổ 7, phường Đằng H, quận Hải A, Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, lối sống của vợ chồng không phù hợp, hai bên không có tiếng nói chung. Mặt khác, anh T mải chơi, không tu chí làm ăn, không chăm lo kinh tế gia đình và có vài lần đánh chị Vân A. Vì mâu thuẫn của vợ chồng, chị Vân A đã nhiều lần về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh T. Lần gần đây nhất là vào ngày 16/6/2022, chị Vân A sống ly thân với anh T. Đến ngày 10/11/2022, sau khi được Tòa án hòa giải, chị Vân A đồng ý quay lại sống với anh T. Theo đề nghị của anh T là trong thời gian 01 tháng, anh T sẽ thay đổi bản thân, hai bên cùng suy nghĩ để có quyết định đúng đắn về cuộc hôn nhân của mình. Tuy nhiên, sau thời gian này, cuộc sống của vợ chồng vẫn không được cải thiện, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vì vậy, chị Vân Anh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Vân A và anh T có 02 con chung là Lê Hữu Anh V, sinh ngày 15/8/2007 và Lê Bảo Bình D, sinh ngày 06/4/2011. Chị Vân A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Bảo Bình D; giao con Lê Hữu Anh V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vân A và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị Vân A làm việc tại Công ty TNHH AEON Việt Nam (tại Hải Phòng), thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng một tháng. Sau khi ly hôn, chị và con chung sẽ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở số 84 Nam H, xã An H1, huyện An D, Hải Phòng. Anh T làm lái xe ở Cảng Đình V. Cụ thể anh T làm ở công ty nào, thu nhập bao nhiêu chị Vân A không biết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/11/2022, bị đơn là anh Lê Hữu T trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như lời trình bày của chị Vân A. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng 01 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bản thân anh T mải chơi, chưa chăm lo được cuộc sống cho gia đình. Anh T xin được hòa giải, đoàn tụ với chị Vân A trong thời hạn 01 tháng. Nếu hết thời hạn này, vợ chồng không hòa giải được thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị Vân A có 02 con chung như lời trình bày của chị Vân A. Trường hợp phải ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị Vân A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị Vân A làm việc tại Công ty TNHH AEON Việt Nam. Anh T làm công việc tự do, thu nhập khoảng 9.000.000đồng một tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau thời hạn 01 tháng (kể từ ngày hòa giải lần 1: Ngày 10/11/2022), Tòa án triệu tập các đương sự hòa giải lần 2 vào ngày 12/12/2022. Tại phiên hòa giải lần 2, anh T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Và anh T cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, xác nhận lại quan điểm của anh về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vân A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể: Vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên hòa giải lần 2 và tại phiên tòa, không lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

- Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại quận Hải An nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Lê Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn

nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị Vân A phù hợp với lời khai của anh T và của những người làm chứng, xác định: Cuộc sống hôn nhân của chị Vân A và anh T có nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm về tính cách, lối sống và anh T ham chơi, không chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Anh T đã đề nghị Tòa án cho thêm thời gian 01 tháng để hòa giải, nếu không hòa giải được thì anh đồng ý ly hôn. Tại phiên hòa giải lần 2, anh T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, cho thấy anh T không còn quan tâ m đến cuộc hôn nhân của anh và chị Vân A. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị Vân A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vân A.

[4] Về nuôi con: Chị Vân A và anh Tn có 02 con chung là Lê Hữu Anh V, sinh ngày 15/8/2007 và Lê Bảo Bình D, sinh ngày 06/4/2011. Chị Vân A và anh T không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Xét chị Vân A và anh T đều có công việc, thu nhập nên đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con như nhau. Vì vậy, cần giao cho mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn của cả chị Vân A và anh T. Mặt khác, cháu V có nguyện vọng ở với anh T. Cháu D có nguyện vọng ở với chị Vân A. Cháu D là cháu gái, đang ở độ tuổi dậy thì, cần sự chăm sóc và giáo dục từ người mẹ. Nên căn cứ Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu D cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vân A và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về chia tài sản: Chị Vân A và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí : Chị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vân A và anh Lê Hữu T.

2. Về nuôi con:

Giao con chung Lê Hữu Anh V, sinh ngày 15/8/2007 cho anh Lê Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao con chung Lê Bảo Bình D, sinh ngày 06/4/2011 cho chị Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Vân A và anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Vân A đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004775 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy